TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 8 – 2020
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Nguyễn Quốc Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Cao Hồ H, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Số 410B/25, đường HG, P12, Q6, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Lan T, sinh năm 1998.

Địa chỉ cư trú: Số 978, Ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Anh Huỳnh Cao Hồ H có mặt tại phiên tòa, chị Lê Thị Lan T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Huỳnh Cao Hồ H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Huỳnh Cao Hồ H và chị Lê Thị Lan T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND P12, Q6, Thành phố H vào ngày 16/02/2017. Hôn nhân giữa anh H và chị T được xây dựng trên cơ sở mai mối, sau đó tự tìm hiểu và kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018, sau đó, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên

cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ ngày 01/4/2018 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Anh Huỳnh Cao Hồ H nhận thấy không còn tình cảm với chị Lê Thị Lan T.

Anh Huỳnh Cao Hồ H yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Lan T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Lê Thị Lan T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Cao Hồ H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị Lan T cư trú tại Ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị Lan T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Cao Hồ H yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Lan T.

Xét thấy, anh H và chị T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND P12, Q6, Thành phố H vào ngày 16/02/2017, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ ngày 01/4/2018 đến nay, khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, hiện nay anh H và chị T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cở sở xác định hôn nhân giữa anh H và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh H yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Lan T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh H xác định là không có, chị T không có Văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định là không có, chị T không có Văn bản ghi ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Huỳnh Cao Hồ H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Cao Hồ H.

- Về hôn nhân: Anh Huỳnh Cao Hồ H được ly hôn với chị Lê Thị Lan T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Huỳnh Cao Hồ H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0008296 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, anh H đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CCTHA DS huyện Thanh Bình;
- UBND P12, Q6, Thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Võ Văn Hồng Biên